

Số: 8445 /CT-TTHT
V/v: thuế thu nhập cá nhân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2016

Kính gửi: Công ty Cổ phần Global Cybersoft (Việt Nam)
Địa chỉ : toà nhà Helios, Công viên phần mềm Quang Trung, Quận 12
Mã số thuế: 0302095470

Trả lời văn thư số CN/nl/H1316/059 ngày 08/08/2016 của Công ty về thuế thu nhập cá nhân (TNCN), Cục Thuế TP có ý kiến như sau:

Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Thuế TNCN:

- Tại Khoản 1, 2 Điều 1 quy định về người nộp thuế:

“1. Cá nhân cư trú là người đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam, trong đó ngày đến và ngày đi được tính là một (01) ngày. Ngày đến và ngày đi được căn cứ vào chứng thực của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trên hộ chiếu (hoặc giấy thông hành) của cá nhân khi đến và khi rời Việt Nam. Trường hợp nhập cảnh và xuất cảnh trong cùng một ngày thì được tính chung là một ngày cư trú.

Cá nhân có mặt tại Việt Nam theo hướng dẫn tại điểm này là sự hiện diện của cá nhân đó trên lãnh thổ Việt Nam.

b) Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam theo một trong hai trường hợp sau:

b.1) Có nơi ở thường xuyên theo quy định của pháp luật về cư trú:

b.1.1) Đối với công dân Việt Nam: nơi ở thường xuyên là nơi cá nhân sinh sống thường xuyên, ổn định không có thời hạn tại một chỗ ở nhất định và đã đăng ký thường trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

...

Trường hợp cá nhân có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam theo quy định tại khoản này nhưng thực tế có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày trong năm tính thuế mà cá nhân không chứng minh được là cá nhân cư trú của nước nào thì cá nhân đó là cá nhân cư trú tại Việt Nam.

Việc chứng minh là đối tượng cư trú của nước khác được căn cứ vào Giấy chứng nhận cư trú. Trường hợp cá nhân thuộc nước hoặc vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định thuế với Việt Nam không có quy định cấp Giấy chứng nhận cư trú thì cá nhân cung cấp bản chụp Hộ chiếu để chứng minh thời gian cư trú.

2. Cá nhân không cư trú là người không đáp ứng điều kiện nêu tại khoản 1, Điều này.”

- Tại Điểm e.1 Khoản 2 Điều 26 quy định về khai thuế, quyết toán thuế:

“Trường hợp cá nhân cư trú có thu nhập phát sinh tại nước ngoài đã tính và nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của nước ngoài thì được trừ số thuế đã nộp ở nước ngoài. Số thuế được trừ không vượt quá số thuế phải nộp tính theo biểu thuế của Việt Nam tính phân bổ cho phần thu nhập phát sinh tại nước ngoài. Tỷ lệ phân bổ được xác định bằng tỷ lệ giữa số thu nhập phát sinh tại nước ngoài và tổng thu nhập chịu thuế.”

Căn cứ Điểm b.2, Khoản 3 Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điều 16 của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ~~ngày 06/11/2013~~ quy định:

“Hồ sơ khai quyết toán

b.2.1) Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công không thuộc trường hợp được uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay thì khai quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo mẫu sau:

- Tờ khai quyết toán thuế mẫu số 02/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

- Phụ lục mẫu số 02-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC nếu có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc.

- Bản chụp các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có). Cá nhân cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên bản chụp đó. Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét xử lý hồ sơ quyết toán thuế cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế.

Trường hợp, theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp, người nộp thuế có thể nộp bản chụp Giấy chứng nhận khấu trừ thuế (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc bản chụp chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế.

- Bản chụp các hoá đơn chứng từ chứng minh khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học (nếu có).

- Trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài phải có tài liệu chứng minh về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài.”

Căn cứ theo các quy định trên:

Trường hợp Công ty cử người lao động Việt Nam đi làm việc thời hạn 12 tháng tại Hoa Kỳ (là nước ký hiệp định tránh đánh thuế 2 lần với Việt Nam nhưng chưa có hiệu lực) nhưng vẫn duy trì nơi ở đăng ký thường trú tại Việt Nam theo quy định pháp luật về cư trú và không chứng minh được là cá nhân cư trú tại Hoa Kỳ thì thuộc đối tượng cá nhân cư trú tại Việt Nam và phải kê khai,

quyết toán thuế TNCN tại Việt Nam. Trường hợp Công ty khấu trừ, kê khai theo tháng/quý đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công đã chi trả cho người lao động nêu trên và Công ty đã nộp thuế TNCN tại Hoa Kỳ cho người lao động thì cá nhân được trừ số thuế TNCN đã nộp tại Hoa Kỳ vào số thuế TNCN phải nộp tại Việt Nam khi thực hiện quyết toán thuế năm nếu có chứng từ chứng minh số thuế đã nộp tại Hoa Kỳ (cá nhân thực hiện quyết toán thuế năm theo mẫu số 02/QTT-TNCN ban hành theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC, kê khai thu nhập toàn cầu trực tiếp với cơ quan thuế). Số thuế TNCN nộp tại Hoa Kỳ được trừ không vượt quá số thuế TNCN phải nộp tính theo biểu thuế của Việt Nam theo quy định tại Điểm 2 Khoản 2 Điều 26 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

Cục Thuế TP thông báo Công ty biết để thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này. *th*

Nơi nhận: *th*

- Như trên;
 - P.KT2;
 - Phòng PC;
 - Lưu: VT, TTHT.
- 1439-16998754/2016-pbk

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



th

Trần Thị Lệ Nga